

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2006/TT-BTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2006

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 26/2002/TT-BTC ngày 22/3/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Căn cứ Nghị định số 145/2005/NĐ-CP ngày 21/11/2005 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2001/NĐ-CP ngày 14/9/2001 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 26/2002/TT-BTC ngày 22/3/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên như sau:

1. Sửa đổi tên của Thông tư như sau:

Tên của Thông tư số 26/2002/TT-BTC được sửa đổi thành “Thông tư hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi công ty nhà nước (gồm tổng công ty, công ty mẹ), doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên”.

2. Sửa đổi, bổ sung Mục I phạm vi, đối tượng áp dụng như sau:

“Các công ty nhà nước (gồm tổng công ty, công ty mẹ), doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công ty thành viên hạch toán độc lập, đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị phụ thuộc của công ty nhà nước được Nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định chuyển đổi (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi chung là công ty TNHH)”.

3. Sửa đổi, bổ sung Mục II xử lý tài chính khi chuyển đổi doanh nghiệp thành công ty TNHH như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm 1.1 khoản 1 Mục II như sau:

“Kiểm kê, xác định số lượng tài sản có tại doanh nghiệp (bao gồm tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn, tài sản đi thuê, cho thuê, giữ hộ, ký gửi, chiếm dụng), đối chiếu với số liệu ghi sổ kế toán để xác định số thừa, thiếu, tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng; tài sản không thuộc quyền quản lý, sử dụng; xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và đề xuất hướng xử lý đối với tài sản thừa, thiếu, tài sản không thuộc quyền quản lý, sử dụng. Đánh giá thực trạng và phân loại tài sản có nhu cầu sử dụng, tài sản không có nhu cầu sử dụng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý, tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có), tài sản thuê ngoài, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận đại lý, nhận ký gửi để kiến nghị biện pháp xử lý đối với từng loại tài sản”.

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai điểm 1.2 khoản 1 Mục II như sau:

“- Đối với nợ phải trả, phải lập danh sách chủ nợ và xác định từng khoản nợ phải trả. Trong đó phân tích rõ các khoản nợ trong hạn, nợ quá hạn, nợ gốc, nợ lãi, nợ phải trả không còn đối tượng trả, trách nhiệm của cá nhân và tập thể đối với từng khoản nợ quá hạn để kiến nghị giải pháp xử lý”.

c) Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Mục II như sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại gạch đầu dòng thứ hai: “Đối với tài sản thuê nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận đại lý, nhận ký gửi: tùy theo nhu cầu mà doanh nghiệp thỏa thuận với người cho thuê, giữ hộ, gia công, đại lý, ký gửi để tiếp tục kế thừa hoặc thanh lý các hợp đồng trước khi chuyển đổi.

Đối với tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi thì doanh nghiệp chuyển giao cho công ty TNHH quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động công ty.

Đối với tài sản doanh nghiệp chiếm dụng, không có quyền quản lý, sử dụng doanh nghiệp phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu tài sản đó”.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại dấu cộng thứ hai của gạch đầu dòng thứ ba: “Chênh lệch thiếu tài sản kiểm kê doanh nghiệp phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý đối với tài sản thiếu hụt, mất mát và các tổn thất khác về tài sản như sau:

+ Phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu đương sự bồi thường theo quy định của pháp luật.

+ Khoản chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản theo sổ kế toán với tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan, của tổ chức bảo hiểm (nếu có) được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính; nếu thiếu thì hạch toán vào kết quả kinh doanh. Nếu do hạch toán khoản chênh lệch thiếu này vào kết quả kinh doanh mà doanh nghiệp bị lỗ thì được giảm vốn Nhà nước hoặc vốn của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có tại doanh nghiệp, số vốn được giảm tối đa bằng số lỗ của doanh nghiệp”.

d) Sửa đổi, bổ sung quy định đối với “Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi” tại điểm 2.2 khoản 2 Mục II như sau:

“Đối với khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi (bao gồm các khoản nợ đã quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa công trình xây lắp tại doanh nghiệp) doanh nghiệp sử dụng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi và quỹ dự phòng tài chính để bù đắp sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan. Nếu các khoản này không đủ bù đắp thì phần chênh lệch thiếu sẽ hạch toán vào kết quả kinh doanh. Nếu do hạch toán khoản chênh lệch thiếu này vào kết quả sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp bị lỗ thì được giảm vốn Nhà nước hoặc vốn của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có tại doanh nghiệp, số vốn được giảm tối đa bằng số lỗ của doanh nghiệp. Thủ tục và quy trình xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi doanh nghiệp thực hiện theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Mục II như sau:

“Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quá trình chuyển đổi, doanh nghiệp lập báo cáo tài chính tại thời điểm chuyển đổi để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và làm cơ sở bàn giao cho công ty TNHH. Báo cáo tài chính lập theo quy định hiện hành. Doanh nghiệp phải lập phương án xử lý tài sản, tài chính, công nợ và thuyết minh rõ việc xử lý tài sản tồn thất, nợ phải thu không thu hồi được hạch toán vào kết quả sản xuất kinh doanh; tài sản dôi thừa, nợ không phải trả được ghi tăng vốn. Đối với trường hợp các doanh nghiệp chuyển đổi là đơn vị phụ thuộc của công ty nhà nước, đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp chịu trách nhiệm và quyết định việc xác định tài sản kiểm kê, vốn, công nợ, xử lý các vấn đề tài chính theo quy định, phạm vi, nội dung xác định phải gắn với doanh nghiệp chuyển đổi. Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng thẩm quyền của đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp để xử lý những vấn đề tồn tại tài chính cho cả công ty nhà nước khi chuyển đổi đơn vị phụ thuộc.

Thẩm quyền phê duyệt báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi:

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đối với công ty nhà nước thuộc các Bộ, ngành Trung ương.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các công ty nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập.

+ Lãnh đạo đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đối với các doanh nghiệp do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quản lý.

+ Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc các công ty nhà nước (nếu công ty nhà nước đó không có Hội đồng quản trị) đối với công ty thành viên hạch toán độc lập, đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị phụ thuộc của công ty nhà nước”.

e) Sửa đổi, bổ sung đoạn thứ nhất quy định tại khoản 5 Mục II như sau:

“Doanh nghiệp bàn giao cho công ty TNHH toàn bộ tài sản, vốn, quỹ, công nợ có đến thời điểm chuyển đổi và báo cáo tài chính đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cùng các hồ sơ tài liệu liên quan. Việc giao, nhận từ doanh nghiệp sang công ty TNHH phải có biên bản ký kết giữa đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp và đại diện chủ sở hữu công ty TNHH được quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 145/2005/NĐ-CP của Chính phủ làm căn cứ để quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát”.

4. Bổ sung quy định chi phí thực hiện chuyển đổi công ty TNHH như sau:

“Chi phí thực hiện chuyển đổi công ty TNHH là các khoản chi liên quan đến việc chuyển đổi doanh nghiệp thành công ty TNHH từ thời điểm doanh nghiệp được quyết định chuyển đổi thành công ty TNHH đến thời điểm bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty TNHH.

Chi phí thực hiện chuyển đổi bao gồm:

- Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ trong nước về chuyển đổi công ty TNHH.
- Chi phí kiểm kê, phân loại, xác định thực trạng tài sản, vốn, công nợ...
- Chi phí lập phương án chuyển đổi, xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty TNHH.
- Các chi phí khác có liên quan đến chuyển đổi công ty TNHH.

Chi phí thực hiện chuyển đổi được hạch toán vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức chi cụ thể do đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp quyết định theo nguyên tắc

tiết kiệm và hiệu quả phù hợp với quy mô của doanh nghiệp chuyển đổi, tối đa không vượt quá 20 triệu đồng đối với doanh nghiệp chuyển đổi thành công ty TNHH có vốn điều lệ dưới 20 tỷ đồng, đối với doanh nghiệp chuyển đổi có vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng được chi không quá 30 triệu đồng, đối với doanh nghiệp chuyển đổi có vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng trở lên được chi không quá 50 triệu đồng”.

5. Hiệu lực thi hành

Thông tư có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định khác tại Thông tư số 26/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính không được bổ sung sửa đổi tại Thông tư này vẫn có hiệu lực thi hành. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Xuân Hà